

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ YÊN HÒA**

TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025 THÔN HỒ PHƯƠNG

[illegible]

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)			Cây hằng năm khác							Kinh phí hỗ trợ (đồng)
		Tổng diện tích thiệt hại (m2)	trong đó		Tổng diện tích thiệt hại (m2)	Trong đó						
						Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
			Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
135	Nguyễn Quốc Phán	8,000	8,000									8,000,000
136	Nguyễn Trọng Long	2,700	2,700									2,700,000
137	Nguyễn Quốc Toan	6,800	6,800									6,800,000
138	Nguyễn Quốc Toàn	2,000	2,000									2,000,000
139	Nguyễn Trọng Quảng	1,500	1,500									1,500,000
140	Nguyễn Quốc Lực	3,500	3,500									3,500,000
141	Nguyễn Quốc Dũng	7,000	7,000									7,000,000
142	Nguyễn Trọng Yên	1,600	1,600									1,600,000
143	Nguyễn Trọng Châu	1,250	1,250									1,250,000
144	Nguyễn Trọng Dũng	3,500	3,500									3,500,000
145	Nguyễn Quốc Công	4,250	4,250									4,250,000
146	Nguyễn Trọng Ngọc	2,750	2,750									2,750,000
147	Trần Duy Sỹ	7,500	7,500									7,500,000
148	Nguyễn Quốc Vi	1,250	1,250									1,250,000
149	Trần Thị Minh	750	750									750,000
150	Trần Duy Quốc	7,500	7,500									7,500,000
151	Trần Duy Hương				800					300	500	825,000

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)			Cây hằng năm khác							Kinh phí hỗ trợ (đồng)
		Tổng diện tích thiệt hại (m2)	trong đó		Tổng diện tích thiệt hại (m2)	Trong đó						
						Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
			Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
152	Nguyễn Thị Tình				500					200	300	525,000
153	Trần Thị Luyện				1,500					1,500		2,250,000
154	Nguyễn Trọng Thử				800					400	400	900,000
155	Nguyễn Quốc Đạt				600					300	300	675,000
156	Nguyễn Trọng Trình				2,000					1,200	800	2,400,000
157	Nguyễn Trọng Toàn				1,000					500	500	1,125,000
158	Nguyễn Trọng Liêm				1,000					500	500	1,125,000
159	Nguyễn Gia Thung				350					150	200	375,000
160	Nguyễn Thị Bích				400					200	200	450,000
161	Trần Đắc Vinh				3,000					1,500	1,500	3,375,000
162	Nguyễn Trọng Giang				1,000					500	500	1,125,000
163	Trần Thị Ngự				1,200					600	600	1,350,000
164	Nguyễn Trọng Lâm				1,000					500	500	1,125,000
165	Nguyễn Thị Luận				400					200	200	450,000
166	Nguyễn Thị Thao				1,000					500	500	1,125,000
167	Nguyễn Thị Luân				1,000					500	500	1,125,000
168	Nguyễn Trọng Thủy				500					300	200	600,000

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)			Cây hằng năm khác								Kinh phí hỗ trợ (đồng)
		Tổng diện tích thiệt hại (m2)	trong đó		Tổng diện tích thiệt hại (m2)	Trong đó							
						Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)			
			Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích		
169	Nguyễn Trọng Tùng				700						300	400	750,000
170	Nguyễn Thị Thị				750						400	350	862,500
171	Nguyễn Trọng Phương				500						300	200	600,000
172	Nguyễn Trọng Tương				500						300	200	600,000
173	Đặng Trọng Chuân				700						400	300	825,000
174	Nguyễn Trọng Hà				700						350	350	787,500
175	Nguyễn Trọng Tài				850						400	450	937,500
176	Nguyễn Quốc Đoàn				2,000						1,000	1,000	2,250,000
177	Nguyễn Thị Luận				330						130	200	345,000
178	Nguyễn Trọng Toàn				600						300	300	675,000
179	Nguyễn Trọng Chân				1,000						500	500	1,125,000
180	Nguyễn Quốc Dũng				330						330		495,000
181	Nguyễn Thị Nhường				1,000						500	500	1,125,000
182	Nguyễn Quốc Thuận				1,200						600	600	1,350,000
183	Trần Duy Tân				1,300						800	500	1,575,000
184	Trần Duy Trung				450						450		675,000
185	Đặng Trọng Dưỡng				400						200	200	450,000

TT	HỌ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)			Cây hằng năm khác							Kinh phí hỗ trợ (đồng)
		Tổng diện tích thiệt hại (m2)	trong đó		Tổng diện tích thiệt hại (m2)	Trong đó						
						Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
			Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
186	Đặng Thị Quyền				500					300	200	600,000
187	Trần Duy Kế				900					400	500	975,000
188	Nguyễn Trọng Phương				2,500					1,500	1,000	3,000,000
189	Nguyễn Thị Minh				600					300	300	675,000
190	Trần Đức Bình				1,000					500	500	1,125,000
191	Nguyễn Trọng Tư				1,000					500	500	1,125,000
192	Nguyễn Văn Duẩn				330					200	130	397,500
193	Đặng Trọng Đồng				800					400	400	900,000
194	Nguyễn Trọng Chiến				1,000					500	500	1,125,000
195	Nguyễn Quốc Công				400					200	200	450,000
196	Nguyễn Trọng Yên				330					200	130	397,500
197	Trần Duy Thắm				600					300	300	675,000
198	Nguyễn Trọng Trí				700					400	300	825,000
199	Nguyễn Quốc Khánh				1,000					500	500	1,125,000
200	Nguyễn Trọng Miện				1,000					500	500	1,125,000
201	Nguyễn Quốc Thuần				600					300	300	675,000
202	Nguyễn Quốc Vân				330					200	130	397,500

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)			Cây hằng năm khác							Kinh phí hỗ trợ (đồng)
		Tổng diện tích thiệt hại (m2)	trong đó		Tổng diện tích thiệt hại (m2)	Trong đó						
						Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
			Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
203	Nguyễn Trọng Duẩn				500					250	250	562,500
204	Nguyễn Trọng Hợp				900					500	400	1,050,000
205	Nguyễn Quốc Hợp				1,000					500	500	1,125,000
206	Nguyễn Trọng Định				1,600					800	800	1,800,000
207	Nguyễn Trọng Tinh				700					400	300	825,000
208	Nguyễn Trọng Doạt				1,300					700	600	1,500,000
209	Nguyễn Trọng Vinh				600					300	300	675,000
210	Nguyễn Quốc Toàn				350					200	150	412,500
211	Nguyễn Thị Tâm				1,000					600	400	1,200,000
212	Nguyễn Thị Tịnh				1,000					500	500	1,125,000
213	Trần Thị Lan				500					250	250	562,500
214	Trần Duy Thiết				350					200	150	412,500
215	Nguyễn Quốc Chất				800					400	400	900,000
216	Nguyễn Thị Hiền				600					300	300	675,000
217	Nguyễn Trọng Định				600					300	300	675,000
218	Dương Thị Vinh				600					300	300	675,000
219	Nguyễn Trọng Dung				600					300	300	675,000

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)			Cây hằng năm khác							Kinh phí hỗ trợ (đồng)
		Tổng diện tích thiệt hại (m2)	trong đó		Tổng diện tích thiệt hại (m2)	Trong đó						
						Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
			Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
220	Nguyễn Trọng Liên				600					300	300	675,000
221	Nguyễn Minh Châu				1,350					800	550	1,612,500
222	Trần Đắc Hán				750					400	350	862,500
223	Nguyễn Trọng Nam				300					150	150	337,500
224	Trần Đắc Hùng				650					400	250	787,500
225	Nguyễn Quốc Triễn				1,400					800	600	1,650,000
226	Đặng Trọng Đoàn				350					200	150	412,500
227	Nguyễn Thị Hương				350					200	150	412,500
228	Nguyễn Thị Cúc				500					250	250	562,500
229	Nguyễn Thị Tuyết				500					250	250	562,500
Tổng		527,031	527,031	0	64,700	0	0	0	0	34,860	29,840	601,701,000